



Chất lượng tạo nên uy tín - Khách là tất

**CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K**  
THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ VĨNH Y

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Được kiểm toán bởi:**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K**

**Trụ sở chính:** Sàn KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CAHN,  
ngõ 299 phố Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, TP Hà Nội

**Tel:** (04) 44 500 668 - **Fax:** (04) 44 500 669

**Email:** thanglongkiemtoan@gmail.com

**Website:** www.kiemtoanthanglongtdk.com

Phát hành

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo tài chính tổng quát và chi tiết	1-2
2	Báo cáo tài chính chi tiết	3-4
3	Bảng cân đối kế toán	5

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ VĨNH YÊN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**

**Được kiểm toán bởi:**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K**



CỤC THUẾ TỈNH VINH PHÚC  
BỘ PHẬN MỘT CỬA

NHẬN HỒ SƠ THUẾ ĐẾN

Số: ..... B.Đ  T.T

Ngày 4 tháng 4 năm 2016

Chuyển: .....

F

**Phát hành**

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đồ Thị Vinh Yên ("Công ty") trình bày báo cáo này về Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Tổng quát về Công ty

### MỤC LỤC

Môi trường và Dịch vụ Đồ Thị Vinh Yên là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết Định số 63/QĐ-CT ngày 18 tháng 03 năm 2011 của UBND Tỉnh Vinh Phúc. Ngày 09 tháng 05 năm 2003 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vinh Phúc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, thay đổi lần thứ 5 ngày 12

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	5 - 6
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	7
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	8
	<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính</i>	9 - 24
	<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	
	Ông Nguyễn Thanh Tùng Ông Lê Duy Hiền	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
	<b>Kiểm toán viên</b>	

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Thuế Long - T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Thuế Long - T.D.K này tổ nghiệp vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong những năm tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối và Ban Tổng Giám đốc với Báo cáo tài chính  
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm và việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty không phát hiện những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Dự ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh bình thường. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch tăng xuất kinh doanh của mình trong các kỳ tiếp theo.

F

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô Thị Vĩnh Yên (“Công ty”) trình bày báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Vĩnh Yên là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết Định số 630/QĐ-CT ngày 10 tháng 03 năm 2011 của UBND Tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 09 tháng 05 năm 2003 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, thay đổi lần thứ 5 ngày 12 tháng 12 năm 2014, mã số doanh nghiệp số 2500155809.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 12 tháng 12 năm 2014, lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty là: Thương mại, Dịch vụ.

Trụ sở chính của Công ty: số 379, đường Mê Linh, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.

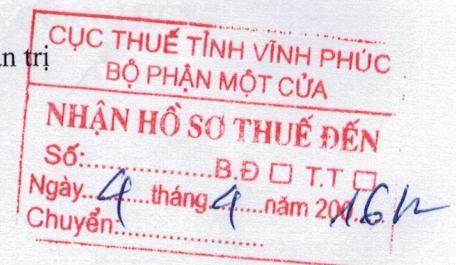
Vốn điều lệ của Công ty là 39.699.460.000 đồng (ba mươi chín tỷ, sáu trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi đồng).

**Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính này như sau:**

### **Hội đồng Quản trị:**

Ông Hoàng Quang Hùng  
Ông Lê Duy Hiền  
Ông Nguyễn Thanh Tùng  
Ông Kiều Đức Thắng  
Ông Đặng Việt Thắng

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên



### **Ban Tổng Giám đốc:**

Ông Nguyễn Thanh Tùng  
Ông Lê Duy Hiền

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

### **Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối và Ban Tổng Giám đốc với Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ  
ĐÔ THỊ VĨNH YÊN**

Số 379, đường Mê Linh, phường Khai Quang, thành phố  
Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**Báo cáo của Hội đồng quản trị  
và Ban Tổng Giám đốc**

- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác; và
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có ảnh hưởng trọng yếu đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng trọng yếu tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vĩnh Yên, ngày 24 tháng 03 năm 2016

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Tổng Giám đốc**



**NGUYỄN THANH TÙNG**

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



**HOÀNG QUANG HÙNG**



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

## THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Địa chỉ: Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT, CAHN, ngõ 299 phố Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: 04 44500668 / Fax: 04 44500669 / Email: thanglongkiemtoan@gmail.com  
Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com

Số: 55A /BCKT - TC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô Thị Vĩnh Yên  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô Thị Vĩnh Yên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô Thị Vĩnh Yên ("Công ty") được lập ngày 24 tháng 03 năm 2016 từ trang 05 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



**Lưu Anh Tuấn**

Số giấy chứng nhận đăng ký hành  
 nghề kiểm toán: 1026-2014-045-1

**Nguyễn Tiến Thành**

Số giấy chứng nhận đăng ký hành  
 nghề kiểm toán: 1706-2014-045-1

	Mã	Đơn vị	Số dư đầu kỳ	Số đầu kỳ
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng			19.725.331.943	
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn			3.773.134.735	
3 Phải thu với tổ chức ngắn hạn			204.390.033	
4 Phải thu ngắn hạn khác			1.661.971.526	
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>100</b>		<b>768.873.976</b>	
1 Hàng tồn kho	100		768.873.976	
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	109			
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>200</b>		<b>212.720.796</b>	
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	200		204.743.898	
2 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	202		8.486.898	
<b>B Tài sản dài hạn</b>	<b>300</b>		<b>83.466.641.910</b>	<b>100.113.381.439</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>310</b>		<b>600.000.000</b>	<b>600.000.000</b>
1 Phải thu dài hạn khác	310	V.03.2	600.000.000	600.000.000
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>73.845.719.920</b>	<b>198.685.744.321</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	73.845.719.920	198.685.744.321
- Nguyên giá	222		111.401.429.197	133.226.626.977
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		37.555.709.277	34.540.881.356
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>8.711.480.194</b>	<b>8.593.145.477</b>
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.07	8.711.480.194	8.593.145.477
<b>V Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>350</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>100.452.689</b>	<b>233.391.490</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05.1	100.452.689	233.391.490
<b>Tổng công tài sản</b>	<b>770</b>		<b>140.860.917.339</b>	<b>182.791.381.140</b>

CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
 CHIẾC QUẢN LÝ THUẾ  
 TÊN QUẢN LÝ THUẾ: \_\_\_\_\_  
 SỐ QUẢN LÝ THUẾ: \_\_\_\_\_  
 NGÀY \_\_\_\_\_ NĂM \_\_\_\_\_

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>57.393.375.527</b>	<b>45.853.101.670</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>8.045.741.008</b>	<b>3.550.861.810</b>
1	Tiền	111		8.045.741.008	3.550.861.810
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>48.366.029.837</b>	<b>41.763.263.988</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	39.725.331.543	33.822.970.868
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.772.334.735	3.663.334.735
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		204.390.033	364.559.990
4	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03.1	4.663.973.526	3.912.398.395
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>768.873.976</b>	<b>498.583.462</b>
1	Hàng tồn kho	141	V.04	768.873.976	498.583.462
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>212.730.706</b>	<b>40.392.410</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05.1	204.243.898	8.348.400
2	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		8.486.808	32.044.010
<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>83.466.641.803</b>	<b>118.112.281.488</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>600.000.000</b>	<b>600.000.000</b>
1	Phải thu dài hạn khác	216	V.03.2	600.000.000	600.000.000
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>73.845.719.920</b>	<b>108.685.744.521</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	73.845.719.920	108.685.744.521
	- Nguyên giá	222		133.401.429.167	135.226.625.877
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59.555.709.247)	(26.540.881.356)
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>8.711.489.194</b>	<b>8.593.145.477</b>
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.07	8.711.489.194	8.593.145.477
<b>V</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>309.432.689</b>	<b>233.391.490</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05.2	309.432.689	233.391.490
	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>270</b>		<b>140.860.017.330</b>	<b>163.965.383.158</b>

CỤC THUẾ TỈNH VINH PHÚC  
BỘ PHẬN MỘT CỬA

NHẬN HỒ SƠ THUẾ ĐẾN

Số:.....B.Đ  T.T

Ngày: 9 tháng 9 năm 2016

Chuyển:.....



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>30.195.846.023</b>	<b>22.683.137.264</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>30.195.846.023</b>	<b>22.683.137.264</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	5.994.062.253	7.684.958.414
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.344	172.103.434
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	992.899.447	1.115.687.612
4	Phải trả người lao động	314		5.162.679.114	5.250.984.519
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	7.684.747.107	6.424.550.464
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	4.386.484.816	2.010.069.800
7	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		5.315.512.833	-
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		659.448.109	24.783.021
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>110.664.171.307</b>	<b>141.282.245.894</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12</b>	<b>42.417.287.051</b>	<b>40.664.192.524</b>
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.699.468.802	39.699.468.802
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.699.468.802	39.699.468.802
2	Quỹ đầu tư phát triển	418		10.975.808	10.975.808
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.706.842.441	953.747.914
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	953.747.914
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.706.842.441	-
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>V.13</b>	<b>68.246.884.256</b>	<b>100.618.053.370</b>
1	Nguồn kinh phí	431		7.036.279.261	4.201.331.261
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		61.210.604.995	96.416.722.109
	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>440</b>		<b>140.860.017.330</b>	<b>163.965.383.158</b>

Người lập biểu

**VÕ THỊ PHƯƠNG THÚY**

Kế toán trưởng

**ĐẶNG VIỆT THẮNG**

Lập ngày 24 tháng 03 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng quản trị



**HOÀNG QUANG HÙNG**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>95.509.318.171</b>	<b>103.985.508.762</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	489.270.909	341.416.791
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>VI.03</b>	<b>95.020.047.262</b>	<b>103.644.091.971</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	83.864.861.764	94.772.643.475
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>11.155.185.498</b>	<b>8.871.448.496</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	30.236.273	33.046.655
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		16.350.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.694.782.950	7.545.758.455
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>3.474.288.821</b>	<b>1.358.736.696</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.06	-	37.350.373
12. Chi phí khác	32	VI.07	3.102.839	135.200.000
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(3.102.839)	(97.849.627)
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>3.471.185.982</b>	<b>1.260.887.069</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	764.343.541	307.139.155
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>2.706.842.441</b>	<b>953.747.914</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	682	240
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70			

Người lập biểu

VÕ THỊ PHƯƠNG THÚY

Kế toán trưởng

ĐẶNG VIỆT THẮNG

Lập ngày 24 tháng 03 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng quản trị



HOÀNG QUANG HÙNG

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Năm 2015

Đơn vị tính: VND

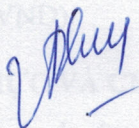

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	95.735.675.491	117.259.137.506
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(52.999.997.065)	(78.180.421.724)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(32.489.565.041)	(32.331.039.896)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(507.139.155)	(174.196.392)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	497.227.647	84.931.228
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(5.103.215.235)	(4.458.120.245)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>5.132.986.642</b>	<b>2.200.290.477</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(668.343.717)	(389.864.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	30.236.273	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(638.107.444)</b>	<b>(389.864.000)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	1.953.583.359
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(1.953.583.359)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>4.494.879.198</b>	<b>1.810.426.477</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>3.550.861.810</b>	<b>1.740.435.333</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>8.045.741.008</b>	<b>3.550.861.810</b>

Lập ngày 24 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị


**VÕ THỊ PHƯƠNG THÚY**

**ĐẶNG VIỆT THẮNG**

**HOÀNG QUANG HÙNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Vĩnh Yên là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết Định số 630/QĐ-CT ngày 10 tháng 03 năm 2011 của UBND Tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 09 tháng 05 năm 2003 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, thay đổi lần thứ 5 ngày 12 tháng 12 năm 2014, mã số doanh nghiệp số 2500155809.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 12 tháng 12 năm 2014, lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty là: Thương mại, Dịch vụ.

Trụ sở chính của Công ty: số 379, đường Mê Linh, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 39.699.460.000 đồng (Ba mươi chín tỷ, sáu trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi đồng)

Cơ cấu vốn điều lệ:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ góp vốn
1	Cổ đông nhà nước	3.592.746	35.927.460.000	90,5%
2	Cổ đông khác	377.200	3.772.000.000	9,5%
<b>Tổng</b>		<b>3.969.946</b>	<b>39.699.460.000</b>	<b>100%</b>

**Các hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty là:**

Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường; Quản lý vận hành hệ thống thoát nước đô thị; Quản lý vận hành hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí, đèn tín hiệu giao thông công cộng; Quản lý duy trì công viên, vườn hoa, cây xanh thảm cỏ đường phố, đảo giao thông; Quản lý nghĩa trang nhân dân làm dịch vụ tang lễ; Xây dựng, sửa chữa vừa và nhỏ các công trình hạ tầng đô thị như: vỉa hè, thoát nước, đường nội thị, điện chiếu sáng, vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ; Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải công nghiệp, rác thải độc hại;

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động của Công ty thông thường là trong vòng 12 tháng.

**II. KỶ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và có hiệu lực đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính này.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### **Hình thức số kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức số kế toán trên máy vi tính.

## **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo tài chính của các quý trước, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến đoạn trình bày dưới đây.

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 244”). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong Báo cáo tài chính này như đã trình bày tại Thuyết minh số VII.3.

### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **3. Hàng tồn kho**

**Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Tại thời điểm 31/12/2015, không có hàng hóa nào cần trích lập dự phòng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ghi sổ sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

### **5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và những chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được thanh lý hay bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao của tài sản cố định hữu hình được ước tính phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và được ước tính như sau:

<b>Tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (Số năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

### **6. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

### **7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi thực tế đã phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất,

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 9. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là phần phụ trội do phát hành cổ phiếu với giá cao hơn so với mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước và điều chỉnh theo các quy định khi lập Báo cáo tài chính.

#### 10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

#### 11. Ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

*Doanh thu từ bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ (tiếp theo)*

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Thu nhập từ hoạt động tài chính*

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 12. Ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

### *Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:*

Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các năm sau.

## 13. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế (nếu có) và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có)
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành: 22%.
- Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
- Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên cơ sở chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

## 14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác (tiếp theo)**

chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

	Cuối năm	Đầu năm
Ban quản lý dự án xây dựng và GPMB Tam Dương	17.008.073	0
BQL dự án huyện Tam Dương	1.874.000	0
Công trình điện chiếu sáng công cộng ngõ xóm thành phố Vĩnh Yên giai đoạn 1	1.031.372.000	1.031.372.000
Công trình bổ sung hệ thống điện CS ngõ xóm TPVY GD3	1.040.759.001	1.040.759.001
Công trình Sắp xếp bổ sung hệ thống CXTPVY	0	0
nguyên 1 đường Lê Lợi, tuyến 2 Phạm Văn Đồng	192.370.000	192.370.000
Khuôn viên thành ủy, UBND TPVY	0	0
Công trình BSI tập kết rác tại mới thành phố Vĩnh Yên (2013)	102.024.000	102.024.000
Đội mòng khác	9.146.201.864	14.721.466.822
<b>Cộng</b>	<b>15.725.131.548</b>	<b>15.922.970.868</b>

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>3.1 Phải thu khác</b>				
3.1.1 Ngân hàng	4.663.973.526	-	3.912.398.395	-
Ký quỹ, ký cược	1.227.000.000	-	2.000.000	-
Tạm ứng	2.708.083.000	-	1.157.303.000	-
Phải thu khác	724.890.536	-	753.095.393	-
3.2. Đại lý	600.000.000	-	600.000.000	-
Phải thu khởi công bồi chi bồi đắp theo thẩm tra kỹ thuật	600.000.000	-	600.000.000	-
	<b>9.323.873.062</b>	<b>-</b>	<b>6.512.398.395</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền mặt	1.877.523.099	128.078.501
Tiền gửi ngân hàng	6.168.217.909	3.422.783.309
<b>Cộng</b>	<b><u>8.045.741.008</u></b>	<b><u>3.550.861.810</u></b>

**2 Phải thu của khách hàng**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>39.725.331.543</i>	<i>33.822.970.868</i>
Phòng Quản lý đô thị Thành phố Vĩnh Yên	21.099.884.000	10.558.888.045
Phòng Công Thương huyện Bình Xuyên	2.936.258.000	2.292.266.000
Ban quản lý dự án xây dựng và GPMB Tam Đảo	1.477.008.678	980.778.000
BQL dự án huyện Tam Dương	1.038.874.000	1.445.643.000
Công trình điện chiếu sáng công cộng ngõ xóm thành phố Vĩnh Yên giai đoạn 4	1.691.152.000	1.424.147.000
Công trình Bổ sung hệ thống điện CS ngõ xóm TPVY GD3	1.040.759.001	1.894.181.001
Công trình Sắp xếp bổ sung hệ thống CXTPVY tuyến 1 đường Lê Lợi, tuyến 2 Phạm Văn Đồng, Khuân viên thành ủy, UBND TPVY	692.570.000	505.601.000
Công trình Bãi tập kết rác tạm mới thành phố Vĩnh Yên (2013)	602.624.000	-
Đối tượng khác	9.146.201.864	14.721.466.822
<b>Cộng</b>	<b><u>39.725.331.543</u></b>	<b><u>33.822.970.868</u></b>

**3 Phải thu khác**

	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
<b>3.1 Ngắn hạn</b>	<b>4.663.973.526</b>	-	<b>3.912.398.395</b>	-
Ký quỹ, ký cược	1.227.000.000	-	2.000.000	-
Tạm ứng	2.708.083.000	-	3.157.303.000	-
Phải thu khác	728.890.526	-	753.095.395	-
<b>3.2. Dài hạn</b>	<b>600.000.000</b>	-	<b>600.000.000</b>	-
Phải thu khối lượng bãi chôn lấp rác theo thẩm tra sở tài chính	600.000.000	-	600.000.000	-
	<b><u>5.263.973.526</u></b>	-	<b><u>4.512.398.395</u></b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4 Hàng tồn kho**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	288.686.229	-	95.331.809	-
Công cụ, dụng cụ	80.673.040	-	87.154.162	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	142.718.933	-	66.020.597	-
Hàng hoá	256.795.774	-	250.076.894	-
<b>Cộng</b>	<b>768.873.976</b>	<b>-</b>	<b>498.583.462</b>	<b>-</b>

**5 Chi phí trả trước**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>5.1 Ngắn hạn</b>	<b>204.243.898</b>	<b>8.348.400</b>
Phân bón	10.682.100	8.348.400
Công cụ dụng cụ phân bổ	193.561.798	-
<b>5.2. Dài hạn</b>	<b>309.432.689</b>	<b>233.391.490</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	309.432.689	233.391.490
<b>Cộng</b>	<b>513.676.587</b>	<b>241.739.890</b>

**6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình (trang 17)**

**7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí đầu tư xây dựng sản phẩm mới	8.711.489.194	8.593.145.477
<b>Cộng</b>	<b>8.711.489.194</b>	<b>8.593.145.477</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản công cộng được giao quản lý	Cộng
<b>I. NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	13.271.177.492	143.900.000	25.394.826.276	96.416.722.109	135.226.625.877
- Mua trong năm	-	-	550.000.000	-	550.000.000
- Nhà nước giao quản lý sử dụng	-	-	-	3.413.335.000	3.413.335.000
- Phân loại lại	2.834.948.000	-	-	(2.834.948.000)	-
- Giảm khác (**)	(25.395.818)	-	-	(5.763.135.892)	(5.788.531.710)
<b>Số dư cuối năm</b>	16.080.729.674	143.900.000	25.944.826.276	91.231.973.217	133.401.429.167
<b>II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	6.737.759.722	133.739.442	19.669.382.192	-	26.540.881.356
- Khấu hao trong năm	1.143.375.232	34.313.334	1.774.140.086	30.021.368.222	32.973.196.874
- Tăng khác	41.631.017	-	-	-	41.631.017
<b>Số dư cuối năm</b>	7.922.765.971	168.052.776	21.443.522.278	30.021.368.222	59.555.709.247
<b>III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	6.533.417.770	10.160.558	5.725.444.084	96.416.722.109	108.685.744.521
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	8.157.963.703	(24.152.776)	4.501.303.998	61.210.604.995	73.845.719.920

(\*) Tài sản cố định khác là tài sản được nhà nước giao Công ty quản lý sử dụng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>5.994.062.253</b>	<b>5.994.062.253</b>	<b>7.684.958.414</b>	<b>7.684.958.414</b>
Công ty TNHH XD & TM Việt Phương	62.559.000	62.559.000	240.559.000	240.559.000
Hoàng Minh Tuấn	548.514.600	548.514.600	210.000.000	210.000.000
Nguyễn Thị Tâm	1.044.000.000	1.044.000.000	1.658.095.577	1.658.095.577
Lê Đình Chi	1.233.461.000	1.233.461.000	1.093.065.000	1.093.065.000
Công ty CP VCOMSAT	145.725.000	145.725.000	-	-
Công ty TNHH Hoàng Gia	115.326.200	115.326.200	-	-
Đào Văn Bình	371.168.920	371.168.920	-	-
HTX Vật liệu XD Tuổi trẻ	55.000.000	55.000.000	-	-
Nguyễn Tiến Mạnh	210.000.000	210.000.000	-	-
Nguyễn Thị Thịnh	448.000.000	448.000.000	-	-
TT tư vấn kinh tế đầu tư xây dựng	65.000.000	65.000.000	-	-
Phan Thị Tuyết	39.590.000	39.590.000	33.115.000	33.115.000
Trịnh Thị Thanh	241.920.000	241.920.000	-	-
Nguyễn Quang Quân	36.550.000	36.550.000	259.280.000	259.280.000
Đối tượng khác	1.377.247.533	1.377.247.533	4.190.843.837	4.190.843.837
	<b>5.994.062.253</b>	<b>5.994.062.253</b>	<b>7.684.958.414</b>	<b>7.684.958.414</b>

**Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm
- Thuế GTGT	808.548.457	2.807.883.923	3.206.822.690	409.609.690
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	307.139.155	764.343.541	507.139.155	564.343.541
- Thuế thu nhập cá nhân	-	26.317.901	7.371.685	18.946.216
	<b>1.115.687.612</b>	<b>3.598.545.365</b>	<b>3.721.333.530</b>	<b>992.899.447</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Chi phí phải trả các công trình	7.684.747.107	6.424.550.464
Cộng	<u>7.684.747.107</u>	<u>6.424.550.464</u>

**11 Phải trả khác**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>	<i>4.386.484.816</i>	<i>2.010.069.800</i>
Kinh phí công đoàn	93.032.415	-
Bảo hiểm xã hội	665.736.970	-
Nhận ký quỹ ký cược	20.000.000	-
Phải trả về thu phí vệ sinh môi trường	1.609.828.000	-
Tiền đền bù công trình rừng lim	261.985.000	261.985.000
Tiền đền bù GPMB công trình vườn hoa trước NTLS Thành Phố	165.925.000	165.925.000
Kinh phí Ban QLDA & lựa chọn nhà thầu Công trình Nghĩa trang Thành phố	-	98.689.000
Kinh phí Ban quản lý dự án Công trình điện chiếu sáng ngõ xóm Vĩnh Yên giai đoạn 3	146.578.000	-
	1.423.399.431	1.483.470.800
Cộng	<u>4.386.484.816</u>	<u>2.010.069.800</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. Vốn chủ sở hữu**

**12.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	3	4	5	6
- Số dư đầu năm trước	39.699.468.802	8.231.856	2.743.952	340.211.046	40.050.655.656
- Lãi tăng trong năm trước	-	-	-	953.747.914	953.747.914
- Giảm khác	-	-	-	(340.211.046)	(340.211.046)
- Số dư cuối năm trước	39.699.468.802	8.231.856	2.743.952	953.747.914	40.664.192.524
- Số dư đầu năm nay	39.699.468.802	10.975.808	-	953.747.914	40.664.192.524
- Lãi tăng trong năm nay	-	-	-	2.706.842.441	2.706.842.441
- Trích lập các quỹ	-	-	-	(953.747.914)	(953.747.914)
Số dư cuối năm nay	39.699.468.802	10.975.808	-	2.706.842.441	42.417.287.051

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>39.699.468.802</b>	<b>39.699.468.802</b>
+ Vốn góp đầu năm	39.699.468.802	39.699.468.802
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	39.699.468.802	39.699.468.802
<b>Cộng</b>	<b>39.699.468.802</b>	<b>39.699.468.802</b>

**12.3. Cổ phiếu**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>		
- Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	3.969.947	3.969.947
+ Cổ phiếu phổ thông	3.969.947	3.969.947
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>3.969.947</b>	<b>3.969.947</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	3.969.947	3.969.947
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.969.947</b>	<b>3.969.947</b>

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

**13. Nguồn kinh phí và quỹ khác**

	Nguồn kinh phí	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	Cộng
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>4.201.331.261</b>	<b>96.416.722.109</b>	<b>100.618.053.370</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>2.834.948.000</b>	<b>3.413.335.000</b>	<b>6.248.283.000</b>
Tăng do Ngân sách cấp	-	3.413.335.000	3.413.335.000
Tăng khác	2.834.948.000	-	2.834.948.000
<b>Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>(30.021.368.222)</b>	<b>(38.619.452.114)</b>
Giảm do phân loại lại	-	(8.598.083.892)	(8.598.083.892)
Giảm do trích khấu hao	-	(30.021.368.222)	(30.021.368.222)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.036.279.261</b>	<b>61.210.604.995</b>	<b>68.246.884.256</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	15.314.787.422	24.024.026.297
Doanh thu công trình	7.605.565.955	16.318.898.500
Doanh thu cung cấp dịch vụ	72.588.964.794	63.642.583.965
Cộng	<u><u>95.509.318.171</u></u>	<u><u>103.985.508.762</u></u>

**2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giảm giá hàng bán	489.270.909	341.416.791
Cộng	<u><u>489.270.909</u></u>	<u><u>341.416.791</u></u>

**3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu thuần bán hàng hoá	15.314.787.422	24.024.026.297
Doanh thu công trình	7.116.295.046	15.977.481.709
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	72.588.964.794	63.642.583.965
Cộng	<u><u>95.020.047.262</u></u>	<u><u>103.644.091.971</u></u>

**4 Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	13.447.614.900	23.473.222.349
Giá vốn công trình	6.678.298.512	15.982.902.559
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	63.738.948.352	55.316.518.567
Cộng	<u><u>83.864.861.764</u></u>	<u><u>94.772.643.475</u></u>

**5 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	30.236.273	33.046.655
Cộng	<u><u>30.236.273</u></u>	<u><u>33.046.655</u></u>

**6 Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền phạt vi phạm công trình	-	23.657.300
Thu nhập khác	-	13.693.073
Cộng	<u><u>-</u></u>	<u><u>37.350.373</u></u>

**7 Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt vi phạm hành chính về môi trường	-	129.200.000
Chi phí khác	3.102.839	6.000.000
Cộng	<u><u>3.102.839</u></u>	<u><u>135.200.000</u></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>3.471.185.982</b>	<b>1.260.887.069</b>
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	135.200.000
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	3.102.839	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>3.474.288.821</b>	<b>1.396.087.069</b>
Thuế TNDN phải nộp - 22%	764.343.541	307.139.155
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (22%)</b>	<b>764.343.541</b>	<b>307.139.155</b>

**9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông Công ty</b>	<b>2.706.842.441</b>	<b>953.747.914</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty	2.706.842.441	953.747.914
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm (*)	3.969.947	3.969.947
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>682</b>	<b>240</b>

VÔ THỊ PHƯƠNG THUY

DẶNG VIỆT TRANG

HOÀNG QUANG HÙNG

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K.

**2. Phân loại lại số liệu tương ứng**

Số dư đầu năm của một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC	Chỉ tiêu theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC	Số tiền
Tài sản ngắn hạn khác	Các khoản phải thu khác	3.159.303.000

Người lập biểu

**VÕ THỊ PHƯƠNG THÚY**

Kế toán trưởng

**ĐẶNG VIỆT THĂNG**

Lập ngày 24 tháng 03 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng quản trị



**HOÀNG QUANG HÙNG**

